

# **CÔNG TY TNHH THI CÔNG VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THI CÔNG VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH PHƯƠNG BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG BAC IMPLEMENTATION AND CONSTRUCTION WORKS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHUONG BAC IMPLEMENTATION AND CONSTRUCTION WORKS CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110002144

**3. Ngày thành lập:** 19/05/2022

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 11, đường Nghĩa Vũ, Thôn Nghĩa Vũ, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466888822

Fax:

Email: [phuongbacxd@gmail.com](mailto:phuongbacxd@gmail.com)

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                             | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                    | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                    | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                               | 4390     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                   | 4659     |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ tư vấn kiến trúc</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng cơ bản;</li> <li>- Giám sát, tư vấn giám sát thi công xây dựng;</li> <li>- Dịch vụ tư vấn đầu thầu;</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> </ul> </li> <li>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Khảo sát xây dựng gồm: Khảo sát địa hình và khảo sát địa chất công trình</li> <li>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy;</li> </ul> <p>Dịch vụ lập quy hoạch xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng;</li> <li>- Kiểm định xây dựng ;</li> <li>- Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện.</li> </ul> | 7110        |
| 8.  | <p>Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931        |
| 9.  | <p>Vận tải hành khách đường bộ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định</li> <li>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng</li> <li>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4932        |
| 10. | <p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 11. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5021        |
| 12. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5022        |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4102(Chính) |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4211        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                         | 4212 |
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221 |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222 |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                   | 4223 |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229 |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                                                                             | 4291 |
| 22. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                      | 4292 |
| 23. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                | 4293 |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299 |
| 25. | Phá dỡ<br>(Loại trừ nổ mìn)                                                                          | 4311 |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)       | 4312 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LẬP Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 02/03/1973 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001073011527  
 Ngày cấp: 24/10/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
 Địa chỉ thường trú: Số nhà 11 đường Nghĩa Vũ, Thôn Nghĩa Vũ, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Số nhà 11 đường Nghĩa Vũ, Thôn Nghĩa Vũ, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 19/05/2022 đến ngày 18/06/2022

